

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST

Ngày 15-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Trường.

Ông Hoàng Đình Như.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2022/TLST-HS ngày 16/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Văn S; sinh năm 1986; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; có 04 anh em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ: Ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019; ngày 27/02/2019 áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; ngày 17/3/2019 bỏ trốn; Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra quyết định truy nã ngày 10/4/2019; tạm giam: Ngày 25/10/2022 hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Vắng mặt có lý do).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn N; sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh: Triệu Văn T; sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt).

Anh: Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn N; sinh năm 1990 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 19/5/2018 Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô BKS: 23K1-006.74 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS do Sinh mượn của ông Nguyễn Văn Đ đi sang huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy (Heroine) sử dụng. Khi đi đến khu ruộng nhà anh Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N phát hiện 01 máy cày màu sơn đỏ ở bờ ruộng nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rủ S trộm cắp máy cày thì S đồng ý. Cả hai thống nhất đi mua ma túy, tiện thể hỏi xem chỗ nào mua máy cày thì quay lại lấy trộm đem bán lấy tiền. S, N tiếp tục điều khiển xe máy đến xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy (Heroine) và cùng nhau sử dụng hết. Sau đó S, N vào một số nhà dân ở khu vực xã T, huyện B tìm người mua máy cày. Khi hỏi đến nhà ông Triệu Văn T thì ông T đồng ý mua nhưng phải được kiểm tra mới thỏa thuận giá cả, S, N đồng ý và nói “Tôi mang máy cày đến”. Sau đó S, N quay về nhà S khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, S điều khiển xe máy chở N ngồi sau ra bờ ruộng nhà Nguyễn Văn N, cả hai đi xuống vị trí để chiếc máy cày, dùng tay tháo rời 02 chiếc bánh lồng. Đối với đầu máy nổ và khung máy cày nhiều ốc không tháo bằng tay được S quay về nhà lấy 01 chiếc mỏ lết quay lại cùng N tháo rời đầu nổ ra khỏi khung máy. N và S khiêng đầu nổ và khung máy cày sau đó cùng nhau xuống khiêng nốt 02 chiếc bánh lồng. S cùng N chở khung máy cày và đầu nổ máy N điều khiển xe máy S ngồi sau đi đến nhà ông T để tại gầm sàn nhà ông T, sau đó cả hai quay về lấy 02 chiếc bánh lồng máy cày xe bị thùng xăng, S quay lên nhà ông T mượn xe máy, sau đó cả hai đi xe máy của ông T về lấy 02 chiếc bánh lồng chở sang nhà ông T. Tại nhà ông T, N dùng mỏ lết lắp ráp các bộ phận máy cày, còn Sinh và ông T thỏa thuận giá cả. Qua kiểm tra máy cày ông T đồng ý mua giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) S và N đã chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Đối với chiếc mỏ lết dùng để tháo chiếc máy cày và dây co dùng buộc khung máy cày, sau khi sử dụng xong trên đường đi về N đã vứt xuống suối cạnh đường không rõ vị trí thuộc địa danh nào. 02 chiếc xe máy S mượn của anh Nguyễn Văn Đ và anh Triệu Văn T, S đã trả lại ngay cho chủ sở hữu.

Bị hại ông Nguyễn Văn N, sau khi mất máy cày đi tìm nhiều nơi đến ngày 16/02/2019 thì phát hiện chiếc máy cày đang ở nhà ông Triệu Văn T. Sau khi hiểu rõ sự việc, ông T đã giao lại chiếc máy cày cho ông N. Ngày 18/02/2019 Nguyễn Văn S đến Công an xã P đầu thú.

Ngày 19/02/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện B thu giữ 01 máy cày màu sơn đỏ, phần khung máy cày có chữ Công ty TNHH một thành viên thương mại Hoàng Anh, số 2016.10; 610213.12, phần máy có chữ Hoàng Anh 7.5; 196cc, nhãn hiệu 1WG40-100FQ-D, máy cũ đã qua sử dụng.

Kết luận ngày 24/02/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận 01 máy cày màu sơn đỏ, phần khung có chữ Công ty TNHH một thành viên thương mại Hoàng Anh giá trị 4.875.000đ (*Bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Biên bản xác định hiện trường ngày 27/02/2019 Nguyễn Văn S đã chỉ dẫn các vị trí thực hiện hành vi trộm cắp máy cày phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn N, phù hợp lời khai bị hại Nguyễn Văn N.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Văn S bỏ trốn Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra quyết định truy nã; ngày 26/6/2019 Cơ quan CSĐT ra quyết định tách vụ án hình sự đối với Nguyễn Văn S; ngày 27/6/2019 ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ bị can Nguyễn Văn S do hết thời hạn điều tra, không xác định được bị can đang ở đâu.

Ngày 21/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại anh Nguyễn Văn N chiếc máy cày.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B quyết định về tội danh, hình phạt đối với Nguyễn Văn N theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Văn N bồi thường cho anh Nguyễn Văn N 3.380.000đ; anh Triệu Văn T là 3.000.000đ. Về vật chứng: Đã xử lý xong. Ngoài ra còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và việc thi hành bản án. Bản án đã có hiệu lực thi hành.

Ngày 08/11/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện B làm việc tại Chi cục THADS huyện B xác định Nguyễn Văn N đã chấp hành đầy đủ các khoản bồi thường theo bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B. Đến nay các bên đều không có khiếu nại, đề nghị gì thêm.

Đối với Nguyễn Văn S quá trình bỏ trốn có sang Trung Quốc lao động trái phép, đến ngày 24/10/2022 Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an bắt giữ theo quyết định truy nã. Ngày 25/10/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra các quyết định đình chỉ, phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can, lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn S theo quy định của pháp luật.

Quá trình phục hồi điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện B không tạm giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSBM ngày 16/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích về tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2022 được khấu trừ thời hạn tạm giữ 09 (Chín) ngày từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019; Về vật chứng: Không; về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn N đã bồi thường xong tổng số tiền 6.380.000đ theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn N và anh Triệu Văn T. Do đó không đề cập đến; Về án phí: Áp dụng Điều

136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn S được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa bị cáo Nguyễn Văn S: Đồng thuận với quan điểm của Viện kiểm sát bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Sau khi phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, tính chất mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo *Thứ nhất:* Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo đã tự nguyện khai báo trung thực, thành khẩn về hành vi phạm tội của mình mong muốn nhận được hưởng sự khoan hồng của pháp luật quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; *Thứ hai:* Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; *Thứ ba:* Bị cáo là người dân tộc thiểu sinh ra và lớn lên tại một vùng quê nghèo của xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, từ nhỏ không được đi học nên ít khi được tiếp xúc với cuộc sống bên ngoài vì vậy việc nhận thực về mặt pháp luật đối với bị cáo còn nhiều hạn chế quy định khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản; về hình phạt: Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: Do đã được giải quyết bằng bản án trước, anh Nguyễn Văn N đã bồi thường đầy đủ số tiền theo yêu cầu của bị hại. Do đó không đề cập đến; về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Miễn nộp tiền án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa không bổ sung thêm gì và thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị, không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Tại phiên tòa vắng mặt:* Trợ giúp viên pháp lý có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Luận cứ bào chữa. Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng vắng mặt. Xét thấy bị cáo, Kiểm sát viên đồng ý xét xử; trong hồ sơ đã tiến hành lấy lời khai những người này, việc vắng mặt Trợ giúp viên pháp lý; bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; căn cứ Điều 291, 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hội đồng xét xử vắng mặt những người trên.

[2] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[3] *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt*: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; Biên bản xác định hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/5/2018 Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N trộm cắp tài sản là 01 chiếc máy cày của anh Nguyễn Văn N đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Bản kết luận ngày 24/02/2019 Hội đồng định giá tài sản 01 máy cày màu sơn đỏ, máy cũ đã qua sử dụng giá trị là 4.875.000đ. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

[4] *Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, động cơ mục đích phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do ham chơi, lười lao động, với mong muốn chiếm đoạt được tài sản rồi bán đi lấy tiền tiêu sài cá nhân, sau khi trộm cắp tài sản Cơ quan CSĐT đã khởi tố bị can Nguyễn Văn S, trong quá trình điều tra cho tại ngoại Nguyễn Văn S đã trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho cơ quan điều tra, thể hiện bị cáo coi thường pháp luật; nên cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] *Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đến cơ quan công an đầu thú; là người dân tộc thiểu số; trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i,

s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn S được khấu trừ thời hạn tạm giữ 09 (Chín) ngày từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có tài sản, hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] *Trách nhiệm dân sự*: Trách nhiệm liên đới bồi thường bị cáo Nguyễn Văn S trong vụ án này Nguyễn Văn N đã bồi thường xong toàn bộ tổng số tiền 6.380.000đ cho anh Nguyễn Văn N và anh Triệu Văn T theo bản án số 08/2019/HS-ST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã có hiệu lực pháp luật. Nếu sau này anh Nguyễn Văn N yêu cầu Nguyễn Văn S trả lại số tiền đã bồi thường thay cho Nguyễn Văn S thì giải quyết ở vụ án khác.

[9] *Về xử lý vật chứng*: Tài sản trộm cắp và công cụ, phương tiện phạm tội đã xử lý bằng bản án có hiệu lực pháp luật do đó Hội đồng không xét xử xem xét.

[10] Trong vụ án có một số hành vi và đối tượng liên quan:

[10.1] Đối với Nguyễn Văn S ngoài hành vi trộm cắp tài sản, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh. Xét thấy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện B xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.2] Đối với Nguyễn Văn N là đồng phạm tội trộm cắp tài sản cùng Nguyễn Văn S hiện vắng mặt tại địa phương, không rõ hiện đang ở đâu. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn N đã bị xử lý bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.3] Đối với Nguyễn Văn Đ mua máy cày và cho bị cáo Nguyễn Văn S mượn xe trở máy cày; ông Đ không biết máy cày do trộm cắp mà có và không biết bị cáo S sử dụng xe vào việc phạm tội, do vậy không có cơ sở để xử lý Nguyễn Văn Đ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.4] Đối với anh Triệu Văn T cho Nguyễn Văn S mượn xe máy chở máy cày, anh T không biết máy cày là tài sản do trộm cắp mà có do vậy không có căn cứ xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Trợ giúp viên pháp lý đề nghị hình phạt bị cáo 06 tháng tù không đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung nên không được chấp nhận.

[12] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S thuộc hộ nghèo năm 2022 được chính quyền nơi cư trú xác nhận và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn tiền án phí cho bị cáo.

[14] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; Điều 58 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.
Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 09 (*Chín*) tháng tù được khấu trừ thời hạn tạm giữ 09 (*Chín*) ngày từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2022.
3. Về trách nhiệm dân sự: Không.
4. Về vật chứng: Không.
5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Bị cáo Nguyễn Văn S được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.
6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.
Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Mê;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bắc Mê;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ CA huyện Bắc Mê;
- Cơ quan THAHS CA huyện Bắc Mê;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công